

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-PT

Ngày 23 - 01 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán:

Ông Lê Lâm Sơn

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2017/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Tuyết M, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Ấp HA, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Th, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Ấp HA, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Người làm chứng:

NLC1 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NLC2 (Vắng mặt).

NLC3 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp HA, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Tuyết M trình bày:

Bà có quan hệ mua bán thức ăn gia súc với bà Ngô Thị Th từ năm 2013 cho đến năm 2016.

Tính từ ngày 22/9/2015 đến ngày 16/9/2016, bà Ngô Thị Th mua thức ăn cho heo tại cửa hàng của bà nhiều lần và thiếu nợ bà tổng cộng là 17.130.000 đồng. Sau đó bà Th trả cho bà được 5.000.000 đồng còn nợ lại 12.130.000 đồng (trong đó nợ tiền thức ăn tổng cộng là 11.630.000 đồng và 500.000 đồng tiền bà Th vay không tính lãi, do bà cộng lộn thành 12.145.000 đồng và Tổ hòa giải ghi tròn số 12.150.000 đồng, nên bà ghi trong đơn khởi kiện số tiền yêu cầu là 12.150.000 đồng).

Sau khi bà không bán thức ăn cho bà Th nữa, bà Th hứa khi xuất chuồng bán heo sẽ trả hết số tiền nợ cho bà. Nhưng khi bà Th bán heo xong vẫn không chịu trả tiền cho bà, bà có gặp bà Th đòi nhiều lần, bà Th cứ hẹn lần, hẹn lượt không chịu trả. Bà có làm đơn gửi chính quyền địa phương nhờ can thiệp buộc bà Th trả cho bà số nợ 12.145.000 đồng và ngày 01/7/2017 Tổ hòa giải ấp HA, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang hòa giải bà Th thừa nhận số nợ trên, nhưng bà Th yêu cầu trả hết số nợ 12.130.000 đồng trong bốn tháng, bà không thống nhất nên hòa giải không thành và bà khởi kiện đến Tòa.

Tại phiên hòa giải ở ấp HA, thì bà Th thừa nhận còn nợ bà 12.150.000 đồng. Tại Tòa án bà Th nói đã trả cho bà hai lần bằng 8.000.000 đồng là không đúng sự thật. Bà Th yêu cầu chỉ trả cho bà 4.130.000 đồng bà không đồng ý.

Tờ giấy kê tiền thức ăn của bà Th nộp cho Tòa án là do bà ghi nhưng đây là bảng kê và số tiền bà bán thức ăn cho bà Th năm 2015, số tiền và loại thức ăn bà bán không trùng khớp với bảng kê năm 2016 mà bà kiện bà Th. Số tiền bà Th tự ghi trả cho bà 8.000.000 đồng trong tờ giấy này bà không thống nhất, bởi vì bà Th không có trả số tiền này cho bà.

Bà yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Th phải trả cho bà số tiền còn nợ là 12.130.000 đồng (gồm 11.630.000 đồng tiền nợ thức ăn và 500.000 đồng tiền vay). Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm. Bà không yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C chồng bà Th cùng trả số nợ này, vì bà thấy số tiền này không lớn và bà giao dịch làm ăn với bà Th là chủ yếu, nên bà chỉ yêu cầu một mình bà Th trả số nợ trên.

Bị đơn bà Ngô Thị Th trình bày:

Bà có mua thức ăn tại cửa hàng bà M từ rất lâu rồi. Vào năm 2016 bà có mua thức ăn cho heo và còn nợ bà M số tiền 12.130.000 đồng. Bà đã trả cho bà M hai lần: Lần đầu trả 5.000.000 đồng vào ngày 25/12/2016 Âm, lần sau bà trả 3.000.000 đồng vào ngày 02/02/2017 Âm. Cả hai lần trả tiền bà và bà M không có làm biên nhận với nhau, cũng không có người làm chứng.

Khi bà mua thức ăn của bà M bà không có ghi sổ theo dõi và cũng không nhớ số tiền bà thiếu bà M bằng bao nhiêu. Từ 25/9/2016 bà M không bán thức ăn cho bà nữa sau đó bà M có đưa cho chồng bà một tờ giấy kê tiền thức ăn trong đó có ghi tổng số nợ bằng 12.100.000 đồng (bà đã nộp cho Tòa án) và bà có trả được hai lần bằng 8.000.000 đồng bà cũng tự ghi ở trong giấy đó. Năm 2013, 2014, 2015 bà không có nợ tiền thức ăn, chỉ có nợ tiền tấm cám, năm 2016 bà mới nợ tiền thức ăn và tấm cám của bà M. Bà đã cung cấp các hóa đơn mua hàng của cửa hàng HNg và cửa hàng ĐH để làm chứng cứ chứng minh trong thời gian từ tháng 8/2015 đến tháng 02/2016 bà làm đại lý bán thức ăn, nên bà không có mua thức ăn ở tiệm của bà M.

Số tiền 500.000 đồng, bà M cho bà vay bà thừa nhận là đúng và bà vẫn chưa trả cho bà M. Bà M đã cộng chung vào tiền thức ăn, bà đồng ý trả cho bà M chung với tiền thức ăn.

Nay bà M yêu cầu bà phải trả số tiền còn nợ là 12.130.000 đồng bà không thống nhất, bà chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 4.130.000 đồng và trả vào ngày 14/12/2017. Bà M chỉ yêu cầu một mình bà trả nợ bà thống nhất, vì giao dịch mua bán do bà và bà M thực hiện chồng bà không biết gì về số nợ này.

Người làm chứng:

1. NLC1 trình bày:

Vào ngày 01/7/2017, ông làm Tổ trưởng tổ hòa giải vụ việc giữa bà M và bà Th. Tại buổi hòa giải bà Th thừa nhận còn nợ bà M 12.150.000 đồng, Tổ hòa giải động viên cho hai bên thỏa thuận với nhau, nhưng hai bên không thống nhất được thời gian trả nợ nên cuộc hòa giải không thành. Sau khi lập biên bản xong Thư ký là NLC3 đại diện Tổ hòa giải đọc lại biên bản cho tất cả mọi người cùng nghe. Sau đó bà Th, bà M và thành viên Tổ hòa giải ký tên vào biên bản hòa giải. Biên bản ghi đúng ý kiến trình bày của bà Th, biên bản không bị tẩy xóa hay chỉnh sửa, bà Th nghe xong biên bản thì tự nguyện ký tên vào biên bản.

2. NLC2 trình bày:

Vào ngày 01/7/2017, ông là thành viên trong Tổ hòa giải tranh chấp giữa bà M và bà Th. Tại buổi hòa giải bà M trình bày bà Th nợ bà 17.145.000 đồng, hai bên bà Th và bà M thống nhất bà Th đã trả cho bà M được ba lần bằng 5.000.000 đồng. Chính bà Th thừa nhận còn nợ bà M 12.150.000 đồng và xin trả một lần vào bốn tháng sau, nhưng bà M không đồng ý, vì vậy hòa giải không thành. Sau khi lập xong biên bản NLC3 đại diện Tổ hòa giải đọc lại biên bản cho các bên cùng nghe, không ai có ý kiến gì và thống nhất ký tên vào biên bản.

3. NLC3 trình bày:

Vào ngày 01/7/2017 ông có làm Thư ký ghi biên bản hòa giải giữa bà M và bà Th. Bà M yêu cầu bà Th phải trả 17.145.000 đồng, sau đó bà Th và bà M thống nhất là bà Th đã trả cho bà M ba lần tổng cộng bằng 5.000.000 đồng, còn lại số tiền 12.145.000 đồng nhưng các bên thỏa thuận ghi chắn là 12.150.000 đồng. Chính bà Th trình bày đã trả cho bà M ba lần tổng cộng bằng 5.000.000 đồng, nên ông ghi biên bản đúng theo ý của bà Th. Ông khẳng định tại buổi hòa giải bà Th thừa nhận còn nợ bà M 12.150.000 đồng. Bà Th cho rằng nếu sau này phát sinh kiện tụng mà bà xuất trình được chứng cứ chứng minh bà đã trả nợ thì phải trừ lại cho bà. Biên bản lập xong ông đọc lại cho mọi người nghe, sau khi nghe bà Th không có ý kiến gì và ký tên vào biên bản.

Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2017/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết M.

Xử: Buộc bà Ngô Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Tuyết M 11.630.000 (Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng tiền mua thức ăn gia súc và 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng tiền vay, tổng cộng là 12.130.000 (Mười hai triệu một trăm ba mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, bị đơn bà Ngô Thị Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà không đồng ý trả số tiền 12.130.000 đồng cho bà M, vì bà đã trả cho bà M hai lần 8.000.000 đồng, nên bà chỉ còn nợ bà M 4.130.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Ngô Thị Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngược lại, nguyên đơn bà Lê Tuyết M không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bà Ngô Thị Th, không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLC1, NLC3 có đơn xin xét xử vắng mặt, NLC2 vắng mặt, nhưng các ông đều đã có lời khai ở Tòa án cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

Bà Lê Tuyết M chỉ yêu cầu bà Ngô Thị Th phải trả nợ cho bà và không yêu cầu chồng của bà Th phải cùng liên đới trả nợ. Bà Th cũng thống nhất việc một mình bà trả nợ cho bà M, vì giao dịch mua bán và vay tiền giữa bà với bà M thực hiện, chồng của bà không có giao dịch và không biết về số nợ này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Văn C - chồng của bà Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Tuyết M yêu cầu bà Ngô Thị Th phải trả cho bà số tiền 12.130.000 đồng bao gồm tiền nợ thức ăn và nợ vay. Còn bà Th thì chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 4.130.000 đồng, vì cho rằng bà đã trả cho bà M hai lần với số tiền 8.000.000 đồng.

Xét lời trình bày của hai bên đương sự và nội dung kháng cáo của bà Th thấy rằng: Tại Biên bản hòa giải ngày 01/7/2017 của Ban lãnh đạo ấp HA, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang thể hiện bà Th đã trả cho bà M ba lần được 5.000.000 đồng và còn thiếu lại số tiền 12.150.000 đồng, số tiền này bà sẽ đối chiếu chứng từ với bà M. Bà Th có cung cấp cho Tòa án một Tờ giấy tập caro thể hiện số tiền còn thiếu bà M là 12.100.000 đồng và có ghi thêm nội dung bên dưới là ngày 25/12/2016 trả 5.000.000 đồng; ngày 02/02/2017 trả 3.000.000 đồng. Nhưng nội dung này bà Th thừa nhận do bà tự ghi và không được bà Mẫn thừa nhận. Vì vậy, chứng cứ do bà Thủy cung cấp không được Hội đồng xét xử xem xét.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của các NL3, NLC2, NLC1 là các thành viên của Ban lãnh đạo ấp HA tiến hành hòa giải việc tranh chấp của bà M với bà Th. Các ông đều trình bày là bà Th thừa nhận có nợ của bà M số tiền 12.150.000 đồng tại buổi hòa giải, nhưng do hai bên không thống nhất về thời gian trả nợ, nên Tổ hòa giải lập biên bản hòa giải không thành. Sau khi lập biên bản xong có đọc lại cho mọi người nghe và cùng ký tên. Bà Th có ký tên vào biên bản hòa giải, nên việc bà Th cho rằng Tổ hòa giải ghi sai là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý hồ sơ vụ án để xem xét nội dung kháng cáo của bà Th và tại phiên tòa hôm nay, bà Th không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ nào khác để chứng minh bà đã trả cho bà M 8.000.000 đồng.

[3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết M. Buộc bà Ngô Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Tuyết M tổng cộng số tiền 12.130.000 đồng bao gồm tiền vay và nợ tiền thức ăn là thỏa đáng, phù hợp với

quy định của pháp luật. Nên kháng cáo của bà Ngô Thị Th không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 51/2017/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Th phải án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Lê Tuyết M được Tòa án chấp nhận ($5\% \times 12.130.000$ đồng) = 606.500 đồng,

Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết M được Tòa chấp nhận, nên không phải nộp án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà M.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Th phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 147, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Th.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 51/2017/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết M.

2. Buộc bà Ngô Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Tuyết M 11.630.000đ (*Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền mua thức ăn gia súc và 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền vay. Tổng cộng là 12.130.000đ (*Mười hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 606.500đ (*Sáu trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Lê Tuyết M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0005329 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Ngô Thị Th phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000116 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Bà Th không phải nộp thêm

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện GQ;
- THA dân sự huyện GQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ký tên, đóng dấu

Phạm Đình Thi